



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**  
*Thành viên của PrimeGlobal*

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3  
Báo cáo tài chính**

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	3
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	4 - 5
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 23

## BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000163 ngày 20 tháng 11 năm 2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 07 tháng 07 năm 2008 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6303000078 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Nông cấp. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp nhận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 35/2012/QĐ-SGDHCM ngày 30/03/2012 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DRL. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 11/04/2012.

**Vốn điều lệ:** 95.000.000.000 đồng.

**Vốn góp thực tế đến thời điểm 30/06/2014:** 95.000.000.000 đồng, trong đó vốn góp của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung chiếm tỷ lệ 30,42%.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: Xã Eapô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông
- Website: [www.pc3hp.com.vn](http://www.pc3hp.com.vn)
- Điện thoại: 0501.3684.888
- Fax: 0501.3684.666

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện;
- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Tư vấn các công trình điện;
- Xây lắp các công trình thủy lợi, thủy điện, các công trình đường dây, trạm biến thế điện, các công trình xây dựng dân dụng - công nghiệp.

### Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 32 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 2 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập các Báo cáo tài chính này gồm có:

### Hội đồng quản trị

- |                   |          |                              |
|-------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Lê Kim Hùng | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 17/04/2013 |
| • Ông Nguyễn Sơn  | Ủy viên  | Bổ nhiệm lại ngày 17/04/2013 |

## BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- |                        |         |                          |
|------------------------|---------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Minh Tiến | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 17/04/2013 |
| • Ông Nguyễn Văn Đức   | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 17/04/2013 |
| • Ông Nguyễn Đức Trọng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 17/04/2013 |

### Ban Kiểm soát

- |                       |            |                          |
|-----------------------|------------|--------------------------|
| • Ông Hồ Thăng Thu    | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 17/04/2013 |
| • Ông Hồ Quốc Việt    | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 17/04/2013 |
| • Ông Lê Duy Anh Tuấn | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 17/04/2013 |

### Giám đốc và Kế toán trưởng

- |                     |                |                              |
|---------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Sơn    | Giám đốc       | Bổ nhiệm lại ngày 21/05/2013 |
| • Ông Phạm Đức Hùng | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 21/05/2013 |

### Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### Trách nhiệm của Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Sơn

Đắk Nông, ngày 11 tháng 08 năm 2014



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC  
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL**

Trụ sở chính  
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng  
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887  
Email: aac@dng.vnn.vn  
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh  
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349  
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 980/BCSX-AAC

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2014, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014, được lập ngày 11/08/2014 của Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 4 đến trang 23. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

### **Trách nhiệm của Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về các Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

### **Phạm vi soát xét**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu các báo cáo tài chính có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC**

**Nguyễn Trọng Hiếu – Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0391-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 8 năm 2014

**Ngô Thị Kim Anh – Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1100-2013-010-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC  
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>41.077.590.184</b>	<b>42.996.852.480</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>26.692.723.989</b>	<b>32.675.007.763</b>
1. Tiền	111	5	388.748.987	210.737.502
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	26.303.975.002	32.464.270.261
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>13.386.395.454</b>	<b>9.599.671.976</b>
1. Phải thu khách hàng	131		12.845.959.153	9.123.741.959
2. Trả trước cho người bán	132		509.654.000	387.220.000
3. Các khoản phải thu khác	135	7	498.640.702	556.568.418
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(467.858.401)	(467.858.401)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>982.470.741</b>	<b>706.172.741</b>
1. Hàng tồn kho	141	8	982.470.741	706.172.741
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>16.000.000</b>	<b>16.000.000</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	16.000.000	16.000.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>75.453.234.551</b>	<b>79.781.507.739</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>74.623.234.551</b>	<b>79.781.507.739</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	74.376.437.278	79.534.710.466
- Nguyên giá	222		150.286.065.121	150.286.065.121
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(75.909.627.843)	(70.751.354.655)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	-	-
- Nguyên giá	228		40.000.000	40.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(40.000.000)	(40.000.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	246.797.273	246.797.273
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>830.000.000</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	830.000.000	-
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>116.530.824.735</b>	<b>122.778.360.219</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Ngày 30 tháng 06 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>7.060.672.240</b>	<b>12.021.049.270</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.060.672.240</b>	<b>12.021.049.270</b>
1. Phải trả người bán	312		201.478.131	202.714.564
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	1.769.846.057	5.890.890.209
3. Phải trả người lao động	315		594.015.435	538.413.933
4. Chi phí phải trả	316	15	3.645.721.360	4.041.730.400
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	78.601.533	53.380.300
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		771.009.724	1.293.919.864
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>109.470.152.495</b>	<b>110.757.310.949</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>109.470.152.495</b>	<b>110.757.310.949</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	95.000.000.000	95.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413	17	1.462.308.448	1.462.308.448
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	17	3.219.983.751	3.219.983.751
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	17	470.000.000	470.000.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	17	9.317.860.296	10.605.018.750
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>116.530.824.735</b>	<b>122.778.360.219</b>



Nguyễn Sơn

Đắk Nông, ngày 11 tháng 08 năm 2014

Kế toán trưởng

Phạm Đức Hùng

Người lập biểu

Trần Thanh Hà

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	18	27.200.855.960	18.006.004.375
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	18	27.200.855.960	18.006.004.375
4. Giá vốn hàng bán	11	19	12.007.950.134	9.206.287.144
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>15.192.905.826</u>	<u>8.799.717.231</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	1.025.198.999	834.779.819
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.426.316.978	1.306.324.207
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>14.791.787.847</u>	<u>8.328.172.843</u>
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	21	<u>14.791.787.847</u>	<u>8.328.172.843</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	929.452.904	592.124.606
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	21	<u>13.862.334.943</u>	<u>7.736.048.237</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	1.459	814



Nguyễn Sơn

Đắk Nông, ngày 11 tháng 08 năm 2014

Kế toán trưởng

Phạm Đức Hùng

Người lập biểu

Trần Thanh Hà



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	26.198.724.363	23.883.084.628
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(8.374.132.786)	(3.124.927.445)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.824.834.195)	(2.712.047.334)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.992.309.832)	(870.549.579)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	20.833.000	6.119.203
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(6.782.188.325)	(3.223.571.109)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>7.246.092.225</b>	<b>13.958.108.364</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	-	(52.116.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.021.624.001	944.115.226
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1.021.624.001</b>	<b>891.999.226</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14.250.000.000)	(30.162.500.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(14.250.000.000)</b>	<b>(30.162.500.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(5.982.283.774)</b>	<b>(15.312.392.410)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	32.675.007.763	29.964.959.994
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>26.692.723.989</b>	<b>14.652.567.584</b>



Nguyễn Sơn

Đắk Nông, ngày 11 tháng 08 năm 2014

Kế toán trưởng

Phạm Đức Hùng

Người lập biểu

Trần Thanh Hà

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000163 ngày 20 tháng 11 năm 2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 07 tháng 07 năm 2008 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6303000078 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Nông cấp. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp nhận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 35/2012/QĐ-SGDHCM ngày 30/03/2012 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DRL. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 11/04/2012.

#### *Ngành nghề kinh doanh chính*

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện;
- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Tư vấn các công trình điện;
- Xây lắp các công trình thủy lợi, thủy điện, các công trình đường dây, trạm biến thế điện, các công trình xây dựng dân dụng - công nghiệp.

### 2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 4.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.4 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

### **4.5 Tài sản cố định hữu hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50
Máy móc, thiết bị	10 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	8

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 4.6 Tài sản cố định vô hình

#### Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).

+ Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

#### Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3

### 4.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### 4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

### 4.10 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 4.11 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

### 4.13 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động bán điện thương phẩm.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty được hưởng ưu đãi đối với dự án thủy điện như sau:
  - Được hưởng thuế suất ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh. Nhà máy thủy điện ĐrâyH'Linh2 đi vào hoạt động từ tháng 2 năm 2007, do vậy Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% từ năm 2007 đến năm 2021.
  - Được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi Công ty có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Năm 2007 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế, theo đó Công ty được miễn thuế trong 4 năm (2007- 2010) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (2011-2019).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Những ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp trên đây được quy định tại Nghị định số 124/2008/NĐ - CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ.

- Thuế nhập khẩu và tiền thuê đất
  - Được miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc thiết bị nhập khẩu để tạo tài sản cố định mà trong nước chưa sản xuất được (có danh mục máy móc, thiết bị kèm theo).
  - Theo Hợp đồng thuê đất được số 21/HĐTD ngày 23/07/2009 thì Công ty đã ký hợp đồng thuê 220.352 m<sup>2</sup> đất với thời hạn 50 năm (từ ngày 01/07/2004 đến 01/07/2054) tại Xã EaPo, Huyện Cư Jut, Tỉnh Đắk Nông để xây dựng nhà máy thủy điện Drây H'Linh 2. Công ty được miễn tiền thuê đất trong 13 năm từ năm 2004 đến năm 2016.

Những ưu đãi về thuế nhập khẩu, tiền thuê đất quy định trong Giấy chứng nhận đầu tư số 6321000107 ngày 27/06/2012 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đắk Nông.

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.14 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

##### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm: phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

### 4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

## 5. Tiền

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	72.239.274	84.182.827
Tiền gửi ngân hàng	316.509.713	126.554.675
<b>Cộng</b>	<b>388.748.987</b>	<b>210.737.502</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 6. Các khoản tương đương tiền

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 1 tháng	26.303.975.002	32.464.270.261
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đắk Lắk	5.527.943.055	-
- Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Đắk Lắk	10.640.522.705	12.627.846.658
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực - CN Đà Nẵng	10.135.509.242	14.836.423.603
- Ngân hàng Sài Gòn Công thương - CN Đắk Lắk	-	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>26.303.975.002</b>	<b>37.464.270.261</b>

### 7. Các khoản phải thu khác

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	-	61.502.714
Phải thu lãi tiền gửi	30.782.301	27.207.303
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Miền Trung	467.858.401	467.858.401
<b>Cộng</b>	<b>498.640.702</b>	<b>556.568.418</b>

### 8. Hàng tồn kho

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Nguyên liệu, vật liệu	979.850.741	703.552.741
Công cụ, dụng cụ	2.620.000	2.620.000
<b>Cộng</b>	<b>982.470.741</b>	<b>706.172.741</b>

### 9. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Tạm ứng	16.000.000	16.000.000
<b>Cộng</b>	<b>16.000.000</b>	<b>16.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	60.856.180.964	86.753.966.049	1.104.835.637	80.698.559	1.490.383.912	150.286.065.121
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Trình bày lại	38.616.000	-	-	(15.478.559)	(23.137.441)	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>60.894.796.964</b>	<b>86.753.966.049</b>	<b>1.104.835.637</b>	<b>65.220.000</b>	<b>1.467.246.471</b>	<b>150.286.065.121</b>
<b>Khấu hao</b>						
Số đầu năm	11.406.558.046	57.628.657.322	1.104.835.637	54.223.863	557.079.787	70.751.354.655
Khấu hao trong kỳ	893.487.806	4.155.684.522	-	5.301.516	103.799.344	5.158.273.188
Trình bày lại	18.014.932	-	-	(18.014.932)	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>12.318.060.784</b>	<b>61.784.341.844</b>	<b>1.104.835.637</b>	<b>41.510.447</b>	<b>660.879.131</b>	<b>75.909.627.843</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	49.449.622.918	29.125.308.727	-	26.474.696	933.304.125	79.534.710.466
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>48.576.736.180</b>	<b>24.969.624.205</b>	<b>-</b>	<b>23.709.553</b>	<b>806.367.340</b>	<b>74.376.437.278</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2014: 1.138.246.545 đồng.

**11. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	40.000.000	40.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>40.000.000</b>	<b>40.000.000</b>
<b>Khấu hao</b>		
Số đầu năm	40.000.000	40.000.000
Khấu hao trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>40.000.000</b>	<b>40.000.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 40.000.000 đồng.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Dự án Thủy điện Krông Bông	22.727.273	22.727.273
Dự án Thủy điện ĐrâyH'Linh 4	224.070.000	224.070.000
<b>Cộng</b>	<b>246.797.273</b>	<b>246.797.273</b>

### 13. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	830.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>830.000.000</b>	<b>-</b>

### 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	543.435.515	1.704.751.407
Thuế thu nhập doanh nghiệp	770.782.518	1.833.639.446
Thuế thu nhập cá nhân	26.800.000	1.795.494.464
Thuế tài nguyên	428.828.024	557.004.892
<b>Cộng</b>	<b>1.769.846.057</b>	<b>5.890.890.209</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### 15. Chi phí phải trả

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Phí môi trường rừng (i)	3.645.721.360	3.912.484.820
Trích trước chi phí sửa chữa lớn	-	129.245.580
<b>Cộng</b>	<b>3.645.721.360</b>	<b>4.041.730.400</b>

(i) Theo Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ thì các cơ sở sản xuất thủy điện phải trả phí dịch vụ môi trường rừng là 20 đ/1kwh điện thương phẩm từ ngày 01/01/2011.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Kinh phí công đoàn	37.726.628	26.580.050
Các khoản phải trả, phải nộp khác	40.874.905	26.800.250
<b>Cộng</b>	<b>78.601.533</b>	<b>53.380.300</b>

### 17. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 01/01/2013	95.000.000.000	1.462.308.448	1.319.983.751	470.000.000	31.115.433.867	129.367.726.066
Tăng trong năm	-	-	1.900.000.000	-	32.262.588.420	34.162.588.420
Giảm trong năm	-	-	-	-	52.773.003.537	52.773.003.537
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>95.000.000.000</b>	<b>1.462.308.448</b>	<b>3.219.983.751</b>	<b>470.000.000</b>	<b>10.605.018.750</b>	<b>110.757.310.949</b>
Số dư tại 01/01/2014	95.000.000.000	1.462.308.448	3.219.983.751	470.000.000	10.605.018.750	110.757.310.949
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	13.862.334.943	13.862.334.943
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	15.149.493.397	15.149.493.397
<b>Số dư tại 30/06/2014</b>	<b>95.000.000.000</b>	<b>1.462.308.448</b>	<b>3.219.983.751</b>	<b>470.000.000</b>	<b>9.317.860.296</b>	<b>109.470.152.495</b>

#### b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Vốn góp của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	28.900.000.000	28.900.000.000
Vốn góp của Cổ đông khác	66.100.000.000	66.100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>95.000.000.000</b>	<b>95.000.000.000</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### c. Cổ phiếu

	30/06/2014 Cổ phiếu	31/12/2013 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu thường	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu thường	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

### d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	10.605.018.750	31.115.433.867
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	13.862.334.943	32.262.588.420
Phân phối lợi nhuận	15.149.493.397	52.773.003.537
Phân phối lợi nhuận năm trước	10.602.000.000	31.112.500.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	950.000.000
- Trả cổ tức cho cổ đông	10.602.000.000	30.162.500.000
Phân phối lợi nhuận năm nay	4.547.493.397	21.660.503.537
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	899.493.397	1.710.503.537
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	950.000.000
+ Tạm ứng cổ tức cho các cổ đông	3.648.000.000	19.000.000.000
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>9.317.860.296</b>	<b>10.605.018.750</b>

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2013 và tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 12/2014/NQ/PC3HP.Co-ĐHCĐ ngày 24/04/2014.

### e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 24/04/2014 đã quyết định chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2013 là 31,16%/vốn điều lệ (tương ứng 29.602.000.000 đồng). Theo đó, cổ tức đã tạm ứng trong năm 2013 với tỷ lệ 20% (tương ứng 19.000.000.000 đồng), Công ty đã chi trả cổ tức còn lại trong 6 tháng đầu năm 2014 với tỷ lệ chi trả 11,16%/vốn điều lệ (tương ứng: 10.602.000.000 đồng)

Nghị quyết số 13/2014/NQ/PC3HP.Co.HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 28/04/2014 đã quyết định tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 với tỷ lệ 3,84%/vốn điều lệ (tương ứng 3.648.000.000 đồng). Theo đó, ngày giao dịch không hưởng quyền là 14/05/2014 và ngày đăng ký cuối cùng là 16/05/2014.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 18. Doanh thu

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Tổng doanh thu	27.200.855.960	18.006.004.375
+ Doanh thu bán điện thương phẩm	27.200.855.960	18.006.004.375
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>27.200.855.960</b>	<b>18.006.004.375</b>

### 19. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Giá vốn điện thương phẩm	12.007.950.134	9.206.287.144
<b>Cộng</b>	<b>12.007.950.134</b>	<b>9.206.287.144</b>

### 20. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.025.198.999	834.779.819
<b>Cộng</b>	<b>1.025.198.999</b>	<b>834.779.819</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 21. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.791.787.847	8.328.172.843
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	311.593.636	175.200.000
+ Điều chỉnh tăng	311.593.636	175.200.000
- Chi phí không hợp lệ	110.593.636	43.200.000
- Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	201.000.000	132.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế	15.103.381.483	8.503.372.843
- Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện	14.078.182.484	7.668.953.024
- Thu nhập từ hoạt động khác	1.025.198.999	834.779.819
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.633.362.028	975.554.257
- Hoạt động sản xuất kinh doanh điện (10%)	1.407.818.248	766.859.302
- Hoạt động khác (22%)	225.543.780	208.694.955
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo NĐ124/2008/BTC	703.909.124	383.429.651
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	929.452.904	592.124.606
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>13.862.334.943</b>	<b>7.736.048.237</b>

### 22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.862.334.943	7.736.048.237
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	13.862.334.943	7.736.048.237
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.500.000	9.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.459</b>	<b>814</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 23. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	276.298.000	56.600.000
Chi phí nhân công	2.145.220.633	1.422.342.785
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.158.273.188	5.214.836.352
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.593.249.332	248.433.479
Chi phí khác bằng tiền	3.091.225.959	3.570.398.735
<b>Cộng</b>	<b>14.264.267.112</b>	<b>10.512.611.351</b>

### 24. Công cụ tài chính

#### a) Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b) Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

##### *Quản lý rủi ro về giá*

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu. Tuy nhiên, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng giá thành sản phẩm nên Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

##### **Quản lý rủi ro tín dụng**

Khách hàng duy nhất của Công ty là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung. Với đặc thù kinh doanh mua bán điện tại Việt Nam, Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

##### **Quản lý rủi ro thanh khoản**

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

30/06/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	201.478.131	-	201.478.131
Chi phí phải trả	3.645.721.360	-	3.645.721.360
Phải trả khác	40.874.905	-	40.874.905
<b>Cộng</b>	<b>3.888.074.396</b>	<b>-</b>	<b>3.888.074.396</b>

31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	202.714.564	-	202.714.564
Chi phí phải trả	4.041.730.400	-	4.041.730.400
Phải trả khác	26.800.250	-	26.800.250
<b>Cộng</b>	<b>4.271.245.214</b>	<b>-</b>	<b>4.271.245.214</b>

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

30/06/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.692.723.989	-	26.692.723.989
Phải thu khách hàng	12.845.959.153	-	12.845.959.153
Phải thu khác	30.782.301	-	30.782.301
<b>Cộng</b>	<b>39.569.465.443</b>	<b>-</b>	<b>39.569.465.443</b>

31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.675.007.763	-	32.675.007.763
Phải thu khách hàng	9.123.741.959	-	9.123.741.959
Phải thu khác	88.710.017	-	88.710.017
<b>Cộng</b>	<b>41.887.459.739</b>	<b>-</b>	<b>41.887.459.739</b>

### 25. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất điện năng và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

### 26. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Công ty đầu tư

#### b. Nghiệp vụ với các bên có liên quan

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	27.200.855.960	18.006.004.375

#### c. Số dư với các bên có liên quan

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	12.845.959.153	9.123.741.959

#### d. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	6 tháng đầu năm 2014 VND
Lương và thưởng của Giám đốc	202.749.000
Thù lao của Hội đồng quản trị	168.000.000
<b>Cộng</b>	<b>370.749.000</b>

### 27. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 28. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Nguyễn Sơn

Đắk Nông, ngày 11 tháng 08 năm 2014

Kế toán trưởng

Phạm Đức Hùng

Người lập biểu

Trần Thanh Hà